

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 845/2019/DS-ST
Ngày: 24/10/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Lê Thị Hoàng Liễu.

2- Bà Nguyễn Ngọc Thủy.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 861/2018/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 277/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 251/2019/QĐST-DS ngày 26 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 324/2019/QĐST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn: Ông Nguyễn Kim V**, sinh năm: 1982

Địa chỉ: 247-249 Trần Hưng Đạo, phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Kim V ủy quyền cho Công ty Luật TNHH T. Trụ sở: Tầng 5, Tòa nhà V, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội theo Hợp đồng ủy quyền số: 08/2019/HĐ-UQ ngày 05/3/2019;

Ông Nguyễn Minh A là người đại diện theo pháp luật của Công ty Luật TNHH T ủy quyền lại cho ông **Nguyễn Đình K**, sinh năm: 1995, Địa chỉ liên hệ: Phòng 804, Tầng 8, Phường 6, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 05/3/2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có ông Nguyễn Duy A là Luật sư của Công ty Luật TNHH T, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. **Bị đơn: Công ty TNHH Sản Xuất-Thương Mại-Dịch Vụ T.**

Trụ sở chính: xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1969; Địa chỉ: phường P, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Kim V có đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Đình K trình bày:

Ngày 19/8/2017 ông Nguyễn Kim V và Công ty TNHH sản xuất-thương mại-dịch vụ T (Sau đây gọi tắt là Công ty T) có ký kết Hợp đồng mua bán chung cư cao tầng A số C-18-1/HĐMB/ANSINH-ASALIGHT để mua căn hộ số C-18-1 thuộc Chung cư cao tầng A, tổng giá bán căn hộ là 1.507.444.620 đồng.

Ngày 29/9/2017 ông V đã thanh toán được một phần tiền mua căn hộ là 452.230.000 đồng.

Bởi một số lý do khách quan nên ngày 13/6/2018, ông V và Công ty T đã ký biên bản thanh lý Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số C-18-1/HĐMB/ANSINH-ASALIGHT, theo đó Công ty T có nghĩa vụ hoàn trả cho ông V số tiền 452.230.000 đồng muộn nhất là vào 16 giờ ngày 13/9/2018 và kể từ ngày ông V nhận được số tiền này thì Hợp đồng số C-18-1/HĐMB/ANSINH-ASALIGHT lập ngày 19/8/2017 giữa Công ty T và ông Nguyễn Kim V sẽ không còn hiệu lực.

Tuy nhiên đến ngày 13/9/2018 Công ty T vẫn chưa thanh toán mà có văn bản số 09/2018/CV-BPKD-CU gửi cho ông V nhằm cam kết hoàn trả số tiền này muộn nhất là vào 16 giờ ngày 21/9/2018. Đến hạn, Công ty T một lần nữa thất hứa, không thực hiện việc trả tiền mà tiếp tục có văn bản số 09/2018/CV-BPKD-CU gửi cho ông V nhằm cam kết hoàn trả toàn bộ số tiền nêu trên muộn nhất vào ngày 13/10/2018.

Từ ngày 12/10/2018 đến ngày 04/12/2018 bị đơn chỉ trả cho ông V tổng cộng là 162.230.000 đồng.

Ngày 05/11/2018 ông Nguyễn Kim V có Đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh yêu cầu Công ty T hoàn trả số tiền gốc là 452.230.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 13/9/2018 đến ngày 31/10/2018 theo mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường là 10%/năm là 6.029.733 đồng, tổng cộng là 458.259.733 đồng.

Ngày 20/3/2019 ông Nguyễn Kim V có Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện gửi Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh yêu cầu Công ty T hoàn trả số tiền gốc còn lại là 290.000.000 đồng và tiền lãi phạt chậm trả từ ngày 13/9/2018 đến ngày xét xử vụ án, tạm tính đến ngày 05/3/2019 theo mức lãi phạt 0,05% cho mỗi ngày trễ hạn (Tương đương 18%/năm) tính trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 28.917.335 đồng.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Đình K đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Công ty T hoàn trả khoản tiền gốc còn lại là 290.000.000 đồng.

Riêng khoản tiền chậm trả thì ông K yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 9%/năm, tổng cộng là 33.091.167 đồng. Phần tính lãi được tính như sau:

Từ ngày 13/9/2018 đến ngày 11/10/2018: 3.278.667 đồng.

Từ ngày 12/10/2018 đến ngày 01/11/2018: 2.100.000 đồng.

Từ ngày 02/11/2018 đến ngày 18/11/2018: 1.440.000 đồng.

Từ ngày 19/11/2018 đến ngày 25/11/2018: 495.000 đồng.

Từ ngày 26/11/2018 đến ngày 04/12/2018: 620.000 đồng.

Từ ngày 05/12/2018 đến ngày 24/10/2019: 25.157.000 đồng.

Bị đơn Công ty TNHH sản xuất-thương mại-dịch vụ T mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 25/9/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh có Công văn số 852/VKS-DS về việc chuyển trả hồ sơ dân sự vụ án này và không tham gia xét xử theo Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Kim V khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH sản xuất-thương mại-dịch vụ T thanh toán số tiền 290.000.000 đồng cùng lãi suất chậm trả từ việc hai bên thanh lý hợp đồng mua bán chung cư cao tầng A. Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Bình Chánh, theo quy định khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh có thẩm quyền giải quyết.

[2]. Về sự vắng mặt của bị đơn:

Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã thực hiện các thủ tục tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn Công ty TNHH sản xuất-thương mại-dịch vụ T. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Quá trình tố tụng, bị đơn không cung cấp bất kỳ chứng cứ nào cũng như không có bất cứ sự phản đối nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ được quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[4.1]. Căn cứ Hợp đồng mua bán chung cư cao tầng A số C-18-1/HĐMB/ANSINH-ASALIGHT ngày 19/8/2017, Biên bản thanh lý hợp

đồng mua bán căn hộ chung cư số C-18-1/HĐMB/ANSINH-ASALIGHT ngày 13/6/2018 giữa ông Nguyễn Kim V và Công ty TNHH sản xuất-thương mại-dịch vụ T, Văn bản số: 09/2018/CV-BPKD-CU' ngày 13/9/2018 và Văn bản số: 09/2018/CV-BPKD-CU' ngày 22/9/2018 của Công ty TNHH sản xuất-thương mại-dịch vụ T cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có cơ sở xác định ngày 19/8/2017 ông Nguyễn Kim V và Công ty T có giao kết Hợp đồng mua bán chung cư cao tầng A số C-18-1/HĐMB/ANSINH-ASALIGHT. Ngày 29/9/2017 ông V đã thanh toán số tiền 452.230.000 đồng cho Công ty T.

Do ông V không còn nhu cầu mua căn hộ trên nên ngày 13/6/2018 ông V và Công ty T lập biên bản thanh lý hợp đồng mua căn hộ trên, hai bên thỏa thuận Công ty T đồng ý hoàn trả số tiền 452.230.000 đồng cho ông V dự kiến vào lúc 16 giờ ngày 13/9/2018.

[4.2]. Ngày 13/9/2018 Công ty T có Công văn số: 09/2018/CV-BPKD-CU' cam kết sẽ trả số tiền trên cho ông V chậm nhất vào ngày 21/9/2018.

Ngày 22/9/2018 Công ty T tiếp tục có Công văn số: 09/2018/CV-BPKD-CU' cam kết chậm nhất vào ngày 13/10/2018 sẽ thanh toán số tiền trên.

[4.3]. Từ ngày 12/10/2018 đến ngày 04/12/2018 bị đơn chỉ trả cho nguyên đơn tổng cộng là 162.230.000 đồng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn lại là 290.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.4]. Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có Luật sư Nguyễn Duy A và ông Nguyễn Đình K yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả cho nguyên đơn từ ngày 13/9/2018 đến ngày 19/11/2019 theo mức lãi suất 9%/năm với tổng số tiền là 33.091.167 đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền:

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.

Tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

“Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”.

Và tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

“Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”.

Như vậy, đối chiếu với các quy định nêu trên thì yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả từ ngày 13/9/2018 đến ngày 19/11/2019 theo mức lãi suất 9%/năm với tổng số tiền là 33.091.167 đồng là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.5]. Cũng cần phải nói thêm rằng trong nội dung Công văn số: 09/2018/CV-BPKD-CU ngày 13/9/2018 và Công văn số: 09/2018/CV-BPKD-CU ngày 22/9/2018 bị đơn có cam kết sẽ thanh toán lãi suất chậm trả là 8%/năm cho nguyên đơn, tuy nhiên mức lãi suất này do phía bị đơn đơn phương đưa ra và chưa được sự đồng ý của nguyên đơn, do vậy tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán lãi chậm trả theo mức lãi suất 9%/năm là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Như vậy, Công ty T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Kim V số tiền gốc còn lại là 290.000.000 đồng và lãi chậm trả là 33.091.167 đồng. Tổng cộng hai khoản là 323.091.167 đồng, trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực.

[5]. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2012/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 357, khoản 1 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Kim V đối với Công ty TNHH sản xuất-thương mại-dịch vụ T.

Buộc Công ty TNHH sản xuất-thương mại-dịch vụ T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Kim V 323.091.167 đồng (Ba trăm hai mươi ba triệu không trăm chín mươi một ngàn một trăm sáu mươi bảy đồng), trả một lần ngay sau

khi án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Công ty TNHH sản xuất-thương mại-dịch vụ T chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.154.558 đồng (Mười sáu triệu một trăm năm mươi bốn ngàn năm trăm năm mươi tám đồng).

Ông Nguyễn Kim V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.165.195 đồng (Mười một triệu một trăm sáu mươi lăm ngàn một trăm chín mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0006612 ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi Nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...)

Nguyễn Thị Ngọc Châu

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút ngày 19/11/2019

Tại Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu.
- Hội thẩm nhân dân:
 - 1- Bà Lê Thị Hoàng Liễu.
 - 2- Bà Nguyễn Ngọc Thủy.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 861/2018/TLST-DS ngày 28/12/2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự” giữa: ông Nguyễn Kim V và Công ty TNHH sản xuất-thương mại-dịch vụ T.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả

tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 357, khoản 1 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Kim V đối với Công ty TNHH sản xuất-thương mại-dịch vụ T.

Buộc Công ty TNHH sản xuất-thương mại-dịch vụ T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Kim V 323.091.167 đồng (Ba trăm hai mươi ba triệu không trăm chín mươi một ngàn một trăm sáu mươi bảy đồng), trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Công ty TNHH sản xuất-thương mại-dịch vụ T chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.154.558 đồng (Mười sáu triệu một trăm năm mươi bốn ngàn năm trăm năm mươi tám đồng).

Ông Nguyễn Kim V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.165.195 đồng (Mười một triệu một trăm sáu mươi lăm ngàn một trăm chín mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0006612 ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được

bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nghị án kết thúc lúc giờ phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA